

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bế Thị M**, sinh năm 1980.

Trú tại: Tổ .., thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh **Nông Văn Q**, sinh năm 1977.

Trú tại: Tổ .., thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Bế Thị M và anh Nông Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị Bế Thị M và anh Nông Văn Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự tự thỏa thuận, sau khi ly hôn, đối với cháu Nông Khánh L, sinh ngày 06/01/2003 và cháu Nông Khánh Đ, sinh ngày 24/11/2010 sẽ do anh Nông Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Đối với cháu Nông Thị Khánh T, sinh ngày 04/10/2005 và cháu Nông Ánh Ng, sinh ngày 28/11/2016 sẽ do chị Bế

Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Bé Thị M và anh Nông Văn Q không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự thỏa thuận:

01 (một) đám ruộng đang canh tác mua năm 2013, có diện tích 1.562 m² sẽ để lại cho cháu Đ quyền thừa kế, hiện nay sẽ do chị M quản lý sử dụng đến khi cháu Đạt đủ tuổi thừa kế. Đối với căn nhà hai gác dựng trên đất bà ngoại cho chị M toàn quyền quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền bán đám đất trồng cafe diện tích 4.500 m² do ông bà nội để lại, đã bán cho chị chồng tên là Nông Thị U với giá 500.000.000 đồng, hai bên thống nhất chị M sẽ không yêu cầu chia số tiền này. Trong trường hợp người mua đòi lại tiền thì chị M không có trách nhiệm thanh toán.

- Về án phí: chị Bé Thị M và anh Nông Văn Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), chấp nhận sự tự nguyện của chị Bé Thị M nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Xác nhận chị Bé Thị M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0002385 ngày 04 tháng 02 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh thu. Nay được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND thị trấn T, huyện Trùng Khánh.
- ĐKKH số 26 ngày 07/4/2002
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lục Thanh Hải